THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141									Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD		Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
1	13/10/14	003083	Tạ Thị	Luyến	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	DT01		2	14	3	212B1	4	14	3	212B1	6	14	3	212B1	8	4	3	212B1					
2	13/10/14	009243	Nguyễn Hồng	Hải	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	DT02		2	14	3	213B1	4	14	3	305B1	6	14	3	305B1	8	4	3	213B1					
3	13/10/14	002874	Đào Thị Bích	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	DT01		4	14	3	213B1	6	14	3	213B1													
4	13/10/14	003345	Nguyễn Hữu Kỷ	Tỵ	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	DT02		4	14	3	502B4	6	14	3	403C6													
5	13/10/14	002702	Nguyễn Thị Minh	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DT01		2	14	3	305B1	4	14	3	311B1													
6	13/10/14	002702	Nguyễn Thị Minh	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DT02		6	14	3	311B1	8	1	3	GDB2A													
7	13/10/14	009595	Phan Nguyễn Thái	Phong	003603	Pháp văn 3	DT01		3	14	3	211B1	5	14	3	211B1													
8	13/10/14	002695	Trần Mộng	Ngọc	003709	Mip(tpháp Hnhập Nnghiệp)	DT01		7	10	3	404C5	0	0	0														18/10/14
9	13/10/14	003435	Nguyễn Hữu	Hiệp	006001	Giải tích 1	DT01	A	2	14	3	203B10	7	10	3	502C5	8	10	3	502C5									18/10/14
10	13/10/14	003435	Nguyễn Hữu	Hiệp	006001	Giải tích 1	DT01	B	2	14	3	203B10	7	10	3	502C5	8	10	3	502C5									18/10/14
11	13/10/14	001840	Nguyễn Thị Xuân	Anh	006002	Giải tích 2	DT01	A	2	14	3	309B1	7	10	3	315B1	8	7	3	202B1									
12	13/10/14	001840	Nguyễn Thị Xuân	Anh	006002	Giải tích 2	DT01	B	2	14	3	309B1	7	10	3	315B1	8	7	3	202B1									
13	13/10/14	001840	Nguyễn Thị Xuân	Anh	006002	Giải tích 2	DT01	C	2	14	3	309B1	7	10	3	315B1	8	7	3	202B1									
14	13/10/14	003556	Đậu Thế	Phiệt	006002	Giải tích 2	DT02	A	6	14	3	203B10	7	7	3	403C5	8	10	3	308B1									18/10/14
15	13/10/14	003556	Đậu Thế	Phiệt	006002	Giải tích 2	DT02	B	6	14	3	203B10	7	7	3	403C5	8	10	3	308B1									18/10/14
16	13/10/14	003264	Lê Xuân	Đại	006004	Đại số	DT01	A	7	7	3	203B10	8	4	3	315B1													
17	13/10/14	003264	Lê Xuân	Đại	006004	Đại số	DT01	B	7	7	3	203B10	8	4	3	315B1													
18	13/10/14	003264	Lê Xuân	Đại	006004	Đại số	DT01	C	7	7	3	203B10	8	4	3	315B1													
19	13/10/14	001672	Nguyễn Đình	Huy	006018	Xác suất thống kê	DT01		7	10	3	308B1	8	4	3	308B1													
20	13/10/14	001167	Nguyễn Bá	Thi	006018	Xác suất thống kê	DT02		7	7	3	304C4	8	7	3	308B1													18/10/14
21	13/10/14	001402	Ngô Thu	Lương	006023	Phương pháp tính	DT01		7	10	3	304B8	8	7	3	304B8													
22	13/10/14	003134	Nguyễn Hồng	Lộc	006023	Phương pháp tính	DT02		6	14	3	315B1	8	4	3	314B1													
23	13/10/14	003309	Nguyễn Kiều	Dung	006046	Thống kê & ptích số liệu	DT01		4	14	3	314B1	6	14	3	504C5													
24	13/10/14	002008	Nguyễn Xuân	Mỹ	006601	Toán 1	CD01		7	7	3	303B9	8	10	3	303B9													
25	13/10/14	002008	Nguyễn Xuân	Mỹ	006602	Toán 2	CD01		7	10	3	303B9	8	7	3	303B9													
26	13/10/14	001153	Trần Lưu	Cường	006711	Toán 1 (lý thuyết)	DT01	A	2	14	3	501C6	4	14	3	501C6	8	7	3	602C6	3	14	3	501C6	6	14	3	501C6	
27	13/10/14	002700	Lý Anh	Tú	007001	Vật lý 1	DT01	A	6	14	3	203B1	7	10	3	314B1	8	10	3	314B1									
28	13/10/14	002700	Lý Anh	Tú	007001	Vật lý 1	DT01	B	6	14	3	203B1	7	10	3	314B1	8	10	3	314B1									
29	13/10/14	001841	Huỳnh Quang	Linh	007002	Vật lý 2	DT01	A	2	14	3	214B1	7	7	3	203B1	8	4	3	309B1									
30	13/10/14	000512	Nguyễn Minh	Châu	007005	Thí nghiệm vật lý	DT01		7	7	3	PTNLY	0	0	0														

THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141									Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD		Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
31	13/10/14	000512	Nguyễn Minh	Châu	007005	Thí nghiệm vật lý	DT02		7	10	3	PTNLY	0	0	0														
32	13/10/14	001841	Huỳnh Quang	Linh	007027	Tin học trg vậtlý kthuật	DT01		4	14	3	303C4	6	14	3	302B2													
33	13/10/14	001841	Huỳnh Quang	Linh	007027	Tin học trg vậtlý kthuật	DT02		7	10	3	313B1	8	7	3	307B1													
34	13/10/14	003434	Trần Kim	Bằng	201001	Cơ học lý thuyết	DT01	A	2	14	3	204B8	4	14	3	204B8													
35	13/10/14	003434	Trần Kim	Bằng	201001	Cơ học lý thuyết	DT01	B	2	14	3	204B8	4	14	3	204B8													
36	13/10/14	003285	Lê Dương Hùng	Anh	201010	Cơ học ứng dụng	DT01		6	14	3	203B8	8	10	3	305B8													
37	13/10/14	003139	Nguyễn Thái	Hiền	201010	Cơ học ứng dụng	DT02		7	10	3	305B8	8	7	3	305B8													
38	13/10/14	001942	Vũ Công	Hòa	201020	Cơ lý thuyết nâng cao	DT01		7	7	3	201B1	8	7	3	201B1													
39	13/10/14	002732	Nguyễn Minh	Phú	202009	Bơm, Quạt, Máy nén khí	DT01		7	10	3	403C5	8	4	3	501C4													
40	13/10/14	002336	Trần Anh	Sơn	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	DT01		2	14	3	501C5	4	14	3	501C5													
41	13/10/14	003111	Hồ Thị Thu	Nga	202118	KT an toàn & môi trường	DT01		7	10	3	402C5	8	4	3	401C4													
42	13/10/14	002187	Đinh Quốc	Trí	206002	Thí nghiệm ô tô 2	DT01		8	4	3	TNKTGT	0	0	0														
43	13/10/14	002187	Đinh Quốc	Trí	206029	Hệ thống điện - đ/tử ôtô	DT01		2	14	3	302C5	4	14	3	304C5													
44	13/10/14	003535	Phạm Tuấn	Anh	206036	Đkhiển tự động trên ôtô	DT01		6	14	3	301B10	8	7	3	301B10													
45	13/10/14	002286	Nguyễn Đình	Hùng	206113	Th/kế động cơ đốt trong	DT01		2	14	3	304C5	4	14	3	504C5													
46	13/10/14	002533	Lê Tất	Hiển	208022	Kỹ thuật tàu cao tốc	DT01		7	7	3	301B10	8	1	3	211B1													
47	13/10/14	001259	Phan Tấn	Tùng	209010	Thiết kế hệ thống cơ khí	DT01		6	14	3	302C5	8	7	3	401C4													
48	13/10/14	002893	Vũ Như Phan	Thiện	209017	Nguyên lý máy	DT01		2	14	3	504C5	4	14	3	501C4													
49	13/10/14	001766	Trần Đại	Nguyên	209037	Vẽ Cơ Khí	DT01		6	14	3	307B1	7	7	3	303C4													18/10/14
50	13/10/14	002428	Nguyễn Thị Minh	Trinh	210014	Nhiệt động lực học Kt	DT01		4	14	3	315B1	6	14	3	204B8													
51	13/10/14	002501	Võ Kiến	Quốc	210014	Nhiệt động lực học Kt	DT02		2	14	3	301B6	6	14	3	401C6													
52	13/10/14	002748	Lê Thị Hồng	Hiếu	213048	Khí động lực học 3	DT01		2	14	3	303B8	8	4	3	215B1													
53	13/10/14	001987	Võ Anh	Huy	218031	Tự động hóa sản xuất	DT01		2	14	3	501C4	7	7	3	304C5													18/10/14
54	13/10/14	002278	Đặng Anh	Duy	260605	Sức bền vật liệu	CD01		2	14	3	404C5	8	1	3	301B10													
55	13/10/14	001408	Trần Văn	Bình	260617	Công nghệ chế tạo máy	CD01	A	4	14	3	403C6	8	1	3	XCKUIT													
56	13/10/14	001408	Trần Văn	Bình	260617	Công nghệ chế tạo máy	CD01	B	4	14	3	403C6	8	4	3	XCKUIT													
57	13/10/14	003032	Lê Quang	Ngọc	260619	Kỹ thuật điện tử	CD01		6	14	3	XDTIUT	7	10	3	XDTIUT	8	7	3	XDTIUT									
58	13/10/14	002591	Trương Công	Tiễn	260620	Lập trình PLC	CD01	A	6	14	3	303C4	7	7	3	PTNUIT	8	7	3	PTNUIT									
59	13/10/14	001999	Trần Văn	Thống	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	CD01	A	8	10	3	211B1	2	14	3	XLAUIT													
60	13/10/14	002210	Lê Hoàng	Thiện	260622	Truyền động khí nén 2	CD01		6	14	3	XKNIUT	0	0	0														

THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141									Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD		Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
61	13/10/14	002583	Nguyễn Đình	Tuyên	401001	Điện tử công suất	DT01		4	14	3	203B10	8	1	3	203B10													
62	13/10/14	003386	Nguyễn Minh	Huy	401043	TN điện tử công suất	DT01		8	4	3	PTNDCN	0	0	0														
63	13/10/14	001648	Nguyễn Ngọc	Quyền	402001	Kỹ thuật điện tử C	DT01		7	7	3	202B1	8	4	3	302B1													
64	13/10/14	000632	Tống Văn	On	402002	Kỹ thuật số	DT01		2	14	3	314B1	4	14	3	309B1													
65	13/10/14	002976	Phan Võ Kim	Anh	402024	Kỹ thuật điện tử	DT01		2	14	3	315B1	4	14	3	313B1													
66	13/10/14	001189	Dương Hoài	Nghĩa	402030	Vi xử lý	DT01		2	14	3	303B1	4	14	3	404C5													
67	13/10/14	002185	Trần Tấn	Phúc	402109	Kỹ thuật số - vi xử lý	DT01		7	10	3	502C4	8	10	3	214B1													18/10/14
68	13/10/14	003586	Trần Văn	Thạch	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	DT01		6	14	3	PTNDT	8	4	3	PTNDT													
69	13/10/14	003340	Lê	Kỷ	403001	Giải tích hệ thống điện	DT01		2	14	3	203B1	6	14	3	313B1	7	10	3	302B1									
70	13/10/14	002494	Trần Quang	Việt	404001	Tín hiệu & hệ thống	DT01		6	14	3	309B1	8	1	3	309B1													
71	13/10/14	000367	Ngô Văn	Ky	404002	Đo điện tử	DT01		7	7	3	307B1	8	10	3	307B1													
72	13/10/14	001655	Lê Minh	Cường	404004	Trường điện từ	DT01		4	14	3	301B6	7	10	3	309B1													
73	13/10/14	003173	Nguyễn Phước Bảo	Duy	404009	Thí nghiệm mạch điện	DT01		7	10	3	PTNM&D	0	0	0														
74	13/10/14	001697	Đỗ Quốc	Tuấn	404029	Mạch điện C (vlkt)	DT01		6	14	3	303B8	8	4	3	211B1													
75	13/10/14	001595	Hoàng Minh	Trí	404036	Giải tích mạch	DT01		6	14	3	308B1	7	7	3	502C4	8	1	3	302B1									18/10/14
76	13/10/14	003260	Đặng Nguyên	Châu	405001	Mạch điện tử	DT01		2	14	3	215B1	4	14	3	308B1													
77	13/10/14	000937	Tạ Công	Đức	405001	Mạch điện tử	DT02		2	14	3	302B1	4	14	3	306B6													
78	13/10/14	002330	Nguyễn Thanh	Tuấn	405004	Mạch điện tử nâng cao	DT01		4	14	3	215B1	6	14	3	214B1													29/10/14
79	13/10/14	003191	Hoàng Mạnh	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	DT01		2	14	3	209B1	0	0	0														
80	13/10/14	003191	Hoàng Mạnh	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	DT02		6	14	3	209B1	0	0	0														
81	13/10/14	003191	Hoàng Mạnh	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	DT03		7	7	3	209B1	0	0	0														
82	13/10/14	003191	Hoàng Mạnh	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	DT04		7	10	3	209B1	0	0	0														
83	13/10/14	001836	Vương	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	DT01		8	4	3	112B3	0	0	0														
84	13/10/14	000992	Nguyễn Kim	Đính	406009	Kỹ thuật điện	DT01		7	7	3	301B2	8	1	3	301B1													
85	13/10/14	000992	Nguyễn Kim	Đính	406009	Kỹ thuật điện	DT02		7	10	3	301B2	8	4	3	301B1													
86	13/10/14	000918	Trương Sa	Sanh	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	DT01		7	7	3	301C4	8	10	3	212B1													18/10/14
87	13/10/14	000918	Trương Sa	Sanh	408003	Máy điện	DT01		7	10	3	307B1	8	7	3	211B1													
88	13/10/14	003303	Nguyễn Thanh	Tâm	408005	Thí nghiệm máy điện	DT01		6	14	3	PTNKTD	0	0	0														
89	13/10/14	000636	Huỳnh Văn	Kiểm	409030	Điện tử công suất &ứdụng	DT01		6	14	3	404C5	7	7	3	401C4													18/10/14
90	13/10/14	003379	Nguyễn Thanh	Tùng	501001	Tin học đại cương	DT01	A	4	14	3	401C6	8	4	3	214B1	8	7	3	P1A5									

THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141									Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD		Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
91	13/10/14	003379	Nguyễn Thanh	Tùng	501001	Tin học đại cương	DT01	B	4	14	3	401C6	8	4	3	214B1	8	7	3	P2A5									
92	13/10/14	003379	Nguyễn Thanh	Tùng	501001	Tin học đại cương	DT01	C	4	14	3	401C6	8	4	3	214B1	8	7	3	NETLAB									
93	13/10/14	003379	Nguyễn Thanh	Tùng	501001	Tin học đại cương	DT01	D	4	14	3	401C6	8	4	3	214B1	8	7	3	TNB1									
94	13/10/14	003380	Nguyễn Hồng	Nam	501001	Tin học đại cương	DT02	A	2	14	3	210B1	4	14	3	303B1	6	14	3	103C6									
95	13/10/14	003380	Nguyễn Hồng	Nam	501001	Tin học đại cương	DT02	B	2	14	3	210B1	4	14	3	303B1	6	14	3	104C6									
96	13/10/14	003380	Nguyễn Hồng	Nam	501001	Tin học đại cương	DT02	C	2	14	3	210B1	4	14	3	303B1	6	14	3	NETLAB									
97	13/10/14	003380	Nguyễn Hồng	Nam	501001	Tin học đại cương	DT02	D	2	14	3	210B1	4	14	3	303B1	6	14	3	TNB1									
98	13/10/14	003444	Vương Bá	Thịnh	501001	Tin học đại cương	DT03	A	7	7	3	503C4	8	7	3	212B1	7	10	3	P1A5									18/10/14
99	13/10/14	003444	Vương Bá	Thịnh	501001	Tin học đại cương	DT03	B	7	7	3	503C4	8	7	3	212B1	7	10	3	P2A5									18/10/14
100	13/10/14	003444	Vương Bá	Thịnh	501001	Tin học đại cương	DT03	C	7	7	3	503C4	8	7	3	212B1	7	10	3	NETLAB									18/10/14
101	13/10/14	003444	Vương Bá	Thịnh	501001	Tin học đại cương	DT03	D	7	7	3	503C4	8	7	3	212B1	7	10	3	TNB1									18/10/14
102	13/10/14	001852	Trần	Quang	501601	Tin học	CD01	A	2	14	3	402C5	7	10	3	303C4	7	7	3	104C6									18/10/14
103	13/10/14	001852	Trần	Quang	501601	Tin học	CD01	B	2	14	3	402C5	7	10	3	303C4	7	7	3	103C6									18/10/14
104	13/10/14	001580	Nguyễn Quốc	Tuấn	504007	Vi xử lý - vi điều khiển	DT01		2	14	3	402C6	4	14	3	402C6													
105	13/10/14	003106	Nguyễn Tuấn	Anh	604002	Hóa học đại cương B	DT01		4	14	3	301B2	6	14	3	314B1													
106	13/10/14	003246	Hoàng Ngọc	Hà	605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	DT01		2	14	3	301B2	6	14	3	304C5													
107	13/10/14	000766	Hoàng Minh	Nam	605031	Các quá trình cơ học A	DT01		4	14	3	203B8	8	7	3	403C4													
108	13/10/14	001759	Trần Văn	Ngũ	605105	Truyền nhiệt A	DT01		2	14	3	304B8	7	7	3	402C4													18/10/14
109	13/10/14	001986	Nguyễn Hữu	Hiếu	605113	Các quá trình cơ học B	DT01		7	7	3	403C4	8	7	3	210B1													18/10/14
110	13/10/14	001496	Nguyễn Đình	Thọ	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	DT01		6	14	3	210B1	8	1	3	314B1													
111	13/10/14	001939	Lưu Đình	Hiệp	610001	Môi trường và con người	DT01		2	14	3	203B8	8	1	3	203B8													
112	13/10/14	002238	Phan Xuân	Thạnh	611007	Kt T/gió&k/soát tiếng ồn	DT01		6	14	3	211B1	7	10	3	301B10													
113	13/10/14	003151	Lê Đức	Anh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	DT01		7	7	3	301C5	8	4	3	303B1													18/10/14
114	13/10/14	003029	Trần Thị Phương	Thảo	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	DT02		2	14	3	305B8	4	14	3	305B8													
115	13/10/14	002525	Hàng Lê Cẩm	Phương	700213	Quản trị k/doanh cho KS	DT01		7	7	3	401C5	8	4	3	302B2													18/10/14
116	13/10/14	002795	Lê Phước	Luông	701008	Đạo đức kinh doanh	DT01		7	7	3	402C5	8	4	3	301B10													18/10/14
117	13/10/14	000378	Lê Văn	Dực	802015	Cơ lưu chất	DT01		2	14	3	401C5	6	14	3	215B1													
118	13/10/14	000670	Trần Ngọc	Bích	804003	Kết cấu bê tông 1	DT01		4	14	3	401C4	7	10	3	401C4													18/10/14
119	13/10/14	001911	Trần Tiến	Đắc	804009	Kết Cấu Thép 1	DT01		2	14	3	202B6	4	14	3	202B6													
120	13/10/14	002618	Đinh Thế	Hưng	804009	Kết Cấu Thép 1	DT02		4	14	3	503C6	8	10	3	401C4													

THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141									Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD		Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
121	13/10/14	000675	Đặng Kỳ	Minh	805031	Nền Móng	DT01		6	14	3	301B6	7	10	3	202B6													
122	13/10/14	002620	Hồ Thu	Hiền	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	DT01		6	14	3	P1A5	7	7	3	303C5													18/10/14
123	13/10/14	002620	Hồ Thu	Hiền	806010	Vẽ kỹ thuật	DT01		4	14	3	303B8	7	10	3	302C5													18/10/14
124	13/10/14	000936	Lê Đức	Thanh	809001	Sức bền vật liệu 2C	DT01		6	14	3	306B6	7	7	3	302C5													18/10/14
125	13/10/14	002355	Nguyễn Hồng	Ân	809015	Sức bền vật liệu 2	DT01		6	14	3	GDB2A	8	7	3	601C6													
126	13/10/14	000158	Đỗ Kiến	Quốc	809016	Cơ kết cấu 1	DT01		4	14	3	GDB2B	6	14	3	GDB2B													
127	13/10/14	002355	Nguyễn Hồng	Ân	809016	Cơ kết cấu 1	DT02		4	14	3	GDB2A	8	4	3	210B1													
128	13/10/14	001078	Trần Tấn	Quốc	809020	Cơ kết cấu 2	DT01		4	14	3	304B8	7	10	3	203B8													
129	13/10/14	000661	Lê Hoàng	Tuấn	809026	Sức bền vật liệu 1	DT01		4	14	3	502C6	6	14	3	303B1													
130	13/10/14	002495	Lương Bảo	Bình	810001	L/trình Ud Trg trắc địa	DT01		6	14	3	202B6	7	7	3	202B6													
131	13/10/14	001545	Lê Thị Ngọc	Liên	810002	Bản đồ học đại cương	DT01		2	14	3	302B2	4	14	3	302B2													
132	13/10/14	002875	Châu Phương	Khanh	810003	Vẽ bản đồ	DT01		2	14	3	211B1	8	4	3	303B9													
133	13/10/14	002875	Châu Phương	Khanh	810019	Bản đồ chuyên đề	DT01		4	14	3	211B1	8	10	3	310B1													
134	13/10/14	002359	Nguyễn Tấn	Lực	810020	Trắc địa đại cương	DT01		4	14	3	307B1	6	14	3	401C4													
135	13/10/14	001545	Lê Thị Ngọc	Liên	810020	Trắc địa đại cương	DT02		7	7	3	304B9	8	10	3	304B9													
136	13/10/14	002004	Lê Anh	Tuấn	812039	VL cnhiệt- vl hoàn thiện	DT01		2	14	3	401C4	7	10	3	404C4													18/10/14
137	13/10/14	001704	Trần Ngọc	Diễm	006001	Giải tích 1	DL01	A	2	13	3	211H1	4	13	3	211H1	6	13	3	211H1									
138	13/10/14	003537	Phùng Trọng	Thực	006002	Giải tích 2	DL01	A	2	13	3	212H1	4	13	3	213H1	6	13	3	210H1									
139	13/10/14	003435	Nguyễn Hữu	Hiệp	006004	Đại số	DL01	A	4	13	3	212H1	6	13	3	212H1													
140	13/10/14	003217	Phan Hồng	Phương	604002	Hóa học đại cương B	DL01		2	13	3	210H1	4	13	3	210H1													

Các môn không có lịch học DT141

006714	**Giải tích số &tối ưu hóa**	**10**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
008001	**Pháp luật việt nam đ/c**	**170**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
008001	**Pháp luật việt nam đ/c**	**95**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
260604	**Kỹ thuật điện**	**37**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
405003	**Mạch điện tử thông tin**	**49**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
405030	**Kỹ thuật siêu cao tần**	**44**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
409030	**Điện tử công suất &ứdụng**	**43**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
802015	**Cơ lưu chất**	**210**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**
805009	**Địa chất công trình**	**48**	**Khoa/Bộ môn không mở lớp**

THỜI KHOÁ BIỂU DỰ THÍNH HK1(2014 - 2015)

TKB DỰ THÍNH HK141								Buổi 1				Buổi 2				Buổi 3				Buổi 4				Buổi 5				GHI CHÚ
STT	Ngày bắt đầu	Mã CBGD	Họ tên CBGD	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tổ	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	Thứ	Tiết BĐ	ST	Phòng	CÁC NGÀY PHẢI NGHỈ DO CB BẬN CÔNG TÁC HOẶC TRÙNG PHÒNG
				807012	Kinh tế xây dựng	57		Khoa/Bộ môn không mở lớp																				
				810137	Trắc địa cao cấp 1	47		Khoa/Bộ môn không mở lớp																				